TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM TP HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Số: 149/2020/ QĐST-HNGĐ	*Hoàn Kiếm, ngày 15 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM

Căn cứ vào Điều 212, 396 và 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình về "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" thụ lý số 155/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu: Anh **Nguyễn Hồng H**. Sinh năm 1961. Nơi cư trú: Số 103 phố M, phường H, quận K, Thành phố Hà Nội.

* Người yêu cầu: Chị **Bùi Thị Thái H.** Sinh năm 1978. Nơi cư trú: Số 103 phố M, phường H, quận K, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tình cảm: Anh Nguyễn Hồng H và chị Bùi Thị Thái H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 4 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận K, Hà Nội. Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 15. Đây là hôn nhân hợp pháp.

[1.1]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2].Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Nguyễn Hồng Q, sinh ngày .../.../1998 và Nguyễn Hồng N, sinh ngày .../.../2004.

Anh chị thoả thuận sau khi ly hôn, anh H là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hồng N. Về việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thỏa thuận này của anh chị kể từ tháng 7/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Cháu Nguyễn Hồng Q đã trưởng thành, cháu ở với ai do cháu tự quyết định, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà án không xem xét.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3].Về tài sản chung, nhà đất ở, công nợ chung: Anh H, chị H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét.

[4]. Đã hết thời hạn bẩy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

[5]. Việc ghi nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận về con chung, tài sản chung, nhà đất ở, công nợ chung giữa anh Nguyễn Hồng H và chị Bùi Thị Thái H là có căn cứ, được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Nguyễn Hồng H** và chị **Bùi Thị Thái H.**

II. Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Nguyễn Hồng Q, sinh ngày ../.../1998 và Nguyễn Hồng N, sinh ngày .../.../2004.

Anh chị thoả thuận sau khi ly hôn, anh H là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hồng N. Về việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thỏa thuận này của anh chị kể từ tháng 7/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Cháu Nguyễn Hồng Q đã trưởng thành, cháu ở với ai do cháu tự quyết định, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà án không xem xét.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

III. Về tài sản chung, nhà đất ở, công nợ chung: Anh H, chị H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét.

IV. Lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Hồng H tự nguyện chịu cả số tiền 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án anh H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, Hà Nội ngày 24/6/2020, số biên lai AA/2016/0017743.

VI. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận K;
- UBND phường H, HN;
- Chi cục Thi hành án DSQK;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THU HÀ